

Bản án số: 204/2020/HS-ST
Ngày 30-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải

2. Ông Lê Bá Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 199/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985 tại S; nơi thường trú: Ấp Tân Hòa A, xã L, huyện M, tỉnh S; tạm trú: Tổ 2, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; CH1 tên Đặng Hoàng TH, S2 năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Võ Thu H, sinh năm 1968 tại L; nơi thường trú: Ấp Huy Hết, xã A, huyện H, tỉnh L; tạm trú: Tổ 2, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn X1 (đã chết) và bà Phan Thị X2 (đã chết); chồng tên Bùi Văn H, sinh năm 1964; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Đỗ Bích P, sinh năm 1978 tại S; nơi thường trú: Ấp Mỹ Tân, xã M, huyện C, tỉnh S; tạm trú: Tổ 2, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hiếu L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1952; chồng tên Phạm S, sinh năm 1975; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Minh H1, sinh năm 1991 tại S; nơi thường trú: Ấp Đắc Thời, xã K, huyện C, tỉnh S; tạm trú: Tổ 2, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1968; vợ tên Lý Thị Huyền T, sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Phạm Văn B, sinh năm 1976 tại A; nơi thường trú: Ấp Mỹ Trung, xã M, huyện C, tỉnh A; tạm trú: Tổ 2, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn F, sinh năm 1959 và bà Lê Thị G, sinh năm 1953; vợ tên Nguyễn Thị O, sinh năm 1981; có 02 con, lớn sinh năm 1999 và nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Tuyết S1; bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm S2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Minh H1, Võ Thu H và Đỗ Bích P cùng tạm trú tại khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B. Tại khu đất trống bên cạnh Công ty TNHH Đ thuộc khu phố 6, phường U, thị xã T thường xuyên có nhiều người tụ tập đánh bạc thắng thua bằng tiền.

Khoảng 15 giờ ngày 30-3-2020, B đến khu đất trống trên tìm người đánh bạc. B nhìn thấy có 03 người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) đang đánh bài binh 06 lá thắng thua bằng tiền nên B tham gia. Khoảng 15 phút sau lần lượt T, H, P và H1 đến chơi cùng. Lúc này, 03 người phụ nữ tham gia đánh bạc lúc đầu không chơi nữa và đi về trước. Do đó, T làm cái cho B, H, P và H1 chơi đánh bài binh 06 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Trong lúc chơi đánh bạc có Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Thị T và Phạm S2 đến xem nhưng không có tham gia đánh bạc. Đến 17 giờ 45 phút cùng ngày, Công an phường U tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với B, T, P, H1, H và thu giữ số tiền 19.020.000 đồng; 04 bộ bài tây loại 52 lá; giấy chứng minh nhân dân của Đỗ Bích P, Nguyễn Thị Hồng T, Võ Thu H, Nguyễn Minh H1, Phạm Văn B và 01 điện thoại di động Vivo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như sau:

Phạm Văn B khai: B biết khu đất trống thường có người đánh bạc nên đến chơi. B sử dụng 650.000 đồng để đánh bạc (bị thu giữ tại vị trí đánh bạc 200.000 đồng và trên người 450.000 đồng).

Nguyễn Thị Hồng T khai: T đi chợ ngang qua thấy nhiều người đánh bạc nên tham gia. T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. T là người làm cái và thua 700.000 đồng, bị thu giữ 300.000 đồng.

Nguyễn Minh H1 khai: H1 đi chợ ngang qua thấy nhiều người đánh bạc nên tham gia. H1 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc và thắng 500.000 đồng (bị thu giữ tại vị trí đánh bạc 1.000.000 đồng).

Đỗ Bích P khai: P đi ngang qua thấy nhiều người đánh bạc nên tham gia. P sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc và thắng 1.300.000 đồng (bị thu giữ tại vị trí đánh bạc 300.000 đồng và trên người 3.000.000 đồng).

Võ Thu H khai: H đi ngang qua thấy nhiều người đánh bạc nên tham gia. H mang theo số tiền 12.670.000 đồng nhưng H chỉ sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc và thắng 1.100.000 đồng (bị thu giữ 1.100.000 đồng tại vị trí đánh bạc và 12.670.000 đồng trên người trong đó có số tiền 3.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc).

Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30-3-2020 và lời khai của các bị cáo xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.350.000 đồng, trong đó số tiền thu giữ tại vị trí các bị cáo ngồi đánh bạc là 2.600.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.750.000 đồng. Số tiền thu giữ trên người bị cáo H không sử dụng đánh bạc là 9.670.000 đồng.

Cáo trạng số 196/CT-VKS.TU ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Võ Thu H, Đỗ Bích P, Nguyễn Minh H1 và Phạm Văn B về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị Hồng T từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng;
- Võ Thu H từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;
- Đỗ Bích P từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;
- Nguyễn Minh H1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;
- Phạm Văn B từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài tây loại 52 lá và 01 cái chiếu; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 9.350.000 đồng; trả cho các bị cáo giấy chứng minh nhân dân, điện thoại di động và số tiền không sử dụng đánh bạc là 9.670.000 đồng.

Đối với ba người phụ nữ tham gia đánh bạc lúc đầu do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Võ Thu H, Đỗ Bích P, Nguyễn Minh H1 và Phạm Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30-3-2020, tại khu đất trống bên cạnh Công ty TNHH Đ thuộc khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh B các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Võ Thu H, Đỗ Bích P, Nguyễn Minh H1 và Phạm Văn B tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức “bài binh 06 lá” với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, hành vi của các bị cáo T, H, P, H1 và B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Hiện nay tình hình an ninh, trật tự tại các địa bàn có nhiều người nhập cư đang diễn biến phức tạp, các tệ nạn xã hội và tội phạm được thực hiện dưới nhiều hình thức gây khó khăn cho công tác đấu tranh, phòng ngừa của cơ quan chức năng. Để từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm cần phải xử các bị cáo thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt. Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo T là người làm cái, bị cáo B là người chủ động tìm đến chỗ đánh bạc, bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất còn các bị cáo khác tham gia với số tiền ngang nhau. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Số tiền 9.350.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 04 bộ bài tây loại 52 lá và 01 cái chiếu là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Số tiền 9.670.000 đồng của bị cáo H, 01 điện thoại di động của bị cáo H1 và giấy chứng minh nhân dân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Võ Thu H, Đỗ Bích P, Nguyễn Minh H1 và Phạm Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).
- Bị cáo Võ Thu H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Bị cáo Đỗ Bích P 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Bị cáo Nguyễn Minh H1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Bị cáo Phạm Văn B 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài tây loại 52 lá và 01 cái chiếu;
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);
- Trả lại bị cáo Võ Thu H số tiền 9.670.000 đồng (Chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thu H;
- Trả lại bị cáo Nguyễn Minh H1 01 điện thoại di động Vivo màu xanh đen và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Minh H1;
- Trả lại bị cáo Đỗ Bích P 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đỗ Bích P;
- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Hồng T;
- Trả lại bị cáo Phạm Văn B 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Văn B.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-9-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Võ Thu H, Đỗ Bích P, Nguyễn Minh H1 và Phạm Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm

